

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Chính;

Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng).

- *Bị đơn:* Ông Trần Vũ Ph, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng).

Hai đương sự cùng cư trú: Ấp Tr, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 4 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày yêu cầu:

Bà H và ông Trần Vũ Ph chung sống với nhau vào năm 1999, có tổ chức đám cưới theo Ph tục địa phương, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Do bất đồng quan điểm nên tháng 4 năm 2020 bà H, ông Ph sống ly thân. Thời gian sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn, bà H yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con tên Trần Rạng R, sinh ngày 25/02/2000

(nam), đã lập gia đình không đặt ra yêu cầu; Trần Rở R2, sinh ngày 25/9/2003 (nam), hiện nay sống chung gia đình, ly hôn việc sống chung với cha hoặc mẹ sẽ theo nguyện vọng của con, không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Vũ Ph trình bày ý kiến: Ông và bà H cưới nhau năm 1999, trước khi cưới có tìm hiểu, đến nay chưa đăng ký kết hôn vì không biết là sống chung phải đăng ký kết hôn. Vợ chồng có mâu thuẫn, ly thân 04 tháng nay, do không hàn gắn được nên đồng ý ly hôn.

Con chung 02 người, cháu Trần Rạng R, sinh ngày 25/02/2000 (nam), đã lập gia đình không đặt ra yêu cầu; Trần Rở R2, sinh ngày 25/9/2003 (nam), hiện nay sống chung gia đình, ly hôn đồng ý nuôi cháu R2, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị H, bị đơn ông Trần Vũ Ph có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H, ông Trần Vũ Ph chung sống với nhau vào năm 1999, hai đương sự xác nhận đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Quá trình chung sống với nhau ông bà có những bất hòa không tự hàn gắn được, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, dẫn đến sống ly thân. Khi sống ly thân ông bà cũng không có biện pháp hàn gắn. Bà H yêu cầu ly hôn, ông Ph đồng ý. Tòa án tổ chức hòa giải, bà H không đồng ý rút đơn, vẫn giữ yêu cầu ly hôn, ông Ph đồng ý ly hôn.

Thấy rằng, bà H và ông Ph chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều

14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà H và ông Ph không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác định có 02 người con tên Trần Rạng R, sinh ngày 25/02/2000 (nam), đã lập gia đình không đặt ra yêu cầu; Trần Rỡ R2, sinh ngày 25/9/2003 (nam), hiện nay sống chung gia đình, ly hôn việc sống chung với cha hoặc mẹ sẽ theo nguyện vọng của con.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án làm việc trực tiếp với cháu R2, cháu có nguyện vọng sống chung với cha nếu cha mẹ cháu ly hôn. Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu R2 cho ông Ph trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà H phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị H và ông Trần Vũ Ph.

- Về con chung: Giao cháu Trần Rỡ R2, sinh ngày 25/9/2003 (nam) cho ông Ph trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng bà H phải chịu, bà H có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007149 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí đương sự đã nộp đủ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính